



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2011: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 29 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

• Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Ông Nguyễn Hồng Ánh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Ngô Thị Thanh Bình	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010
• Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
• Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 103/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 05/01/2012 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT.Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.778.194.749	23.129.872.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.841.398.570	2.047.965.452
1. Tiền	111	5	841.398.570	1.047.965.452
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	2.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.700.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	4.700.000.000	6.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.857.160.800	7.145.181.959
1. Phải thu khách hàng	131		4.630.071.144	8.102.284.397
2. Trả trước cho người bán	132		47.264.000	47.223.500
3. Các khoản phải thu khác	135	8	20.533.540	7.333.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(840.707.884)	(1.011.659.271)
IV. Hàng tồn kho	140	10	9.379.635.379	7.936.725.062
1. Hàng tồn kho	141		10.223.305.794	10.432.107.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.670.415)	(2.495.382.242)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		270.397.388	709.830.287
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.613.135	284.230.287
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.613.135	284.230.287
- Nguyên giá	222		1.268.519.997	1.268.519.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.255.906.862)	(984.289.710)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	247.000.000	425.600.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(387.000.000)	(208.400.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.784.253	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.784.253	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.048.592.137	23.839.702.760

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.896.734.825	8.215.605.392
I. Nợ ngắn hạn	310		5.841.734.825	8.150.605.392
1. Phải trả người bán	312		1.310.375.562	2.574.128.921
2. Người mua trả tiền trước	313		570.700	14.828.675
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.474.479.410	1.780.455.299
4. Phải trả người lao động	315		1.678.058.533	2.400.778.959
5. Chi phí phải trả	316	15	554.321.750	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	345.831.611	730.293.313
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		478.097.259	650.120.225
II. Nợ dài hạn	330		55.000.000	65.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	55.000.000	65.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.151.857.312	15.624.097.368
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.151.857.312	15.624.097.368
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	2.052.098.628	2.524.338.684
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.048.592.137	23.839.702.760

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	24.615.263.097	27.684.733.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	15.869.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	24.615.263.097	27.668.863.609
4. Giá vốn hàng bán	11	20	15.624.109.379	17.939.712.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.991.153.718	9.729.151.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.002.331.625	1.035.671.129
7. Chi phí tài chính	22	22	178.600.000	53.200.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		789.923.955	952.493.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.666.523.759	5.076.534.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.358.437.629	4.682.594.200
11. Thu nhập khác	31	23	70.611.347	54.630.034
12. Chi phí khác	32	24	313.099.868	47.246.067
13. Lợi nhuận khác	40		(242.488.521)	7.383.967
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	3.115.949.108	4.689.978.167
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	802.511.961	1.204.377.042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	2.313.437.147	3.485.601.125
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.313	3.486

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	29.294.487.053	29.160.070.186
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(22.513.206.241)	(24.141.374.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.149.565.000)	(6.812.844.400)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(570.849.497)	(938.761.758)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.129.860.475	443.636.322
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(795.291.963)	(477.129.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	395.434.827	(2.766.403.732)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(124.950.000)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	2.150.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.300.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	997.998.291	1.038.726.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.297.998.291	915.926.685
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.900.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.900.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	793.433.118	(4.350.477.047)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.047.965.452	6.398.442.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.841.398.570	2.047.965.452

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp và cá nhân.
- Thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	52.217.154	133.289.214
Tiền gửi ngân hàng	789.181.416	914.676.238
Cộng	841.398.570	1.047.965.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	2.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	1.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam vay	4.700.000.000	6.000.000.000
Cộng	4.700.000.000	6.000.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 02/2011/PL-HĐVV ký ngày 01/04/2011. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký và việc gia hạn thêm (nếu có) sẽ được thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng. Lãi suất 17%/năm tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận bằng văn bản của 2 bên.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	11.666.667	7.333.333
Phải thu khác	8.866.873	-
Cộng	20.533.540	7.333.333

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	47.284.825	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 1 năm	790.795.059	82.165.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	2.628.000	929.494.063
Cộng	840.707.884	1.011.659.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.505.115	19.216.770
Chi phí SX, KD dở dang	13.188.000	-
Thành phẩm	10.094.372.769	10.265.714.844
Hàng hóa	99.239.910	147.175.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(843.670.415)	(2.495.382.242)
Cộng	9.379.635.379	7.936.725.062

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Mua sắm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Khấu hao			
Số đầu năm	833.719.324	150.570.386	984.289.710
Khấu hao trong năm	175.499.676	96.117.476	271.617.152
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	246.687.862	1.255.906.862
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	175.499.676	108.730.611	284.230.287
Số cuối năm	-	12.613.135	12.613.135

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 1.154.929.088 đồng.

Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại 31/12/2011

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Cổ phiếu STC (*)	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (STC) (**)		(387.000.000)		(208.400.000)
Cộng		247.000.000		425.600.000

(*) Tại ngày 31/12/2011, Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC. Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2011 là 6.500 đồng/cổ phiếu.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ;
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 31/12/2011 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đầu tư.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa sách chờ phân bổ	10.784.253	-
Cộng	10.784.253	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.738.212	572.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.236.039.506	1.004.377.042
Thuế thu nhập cá nhân	234.701.692	775.505.689
Cộng	1.474.479.410	1.780.455.299

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí đấu thầu bản thảo	55.450.750	-
Tiền nhuận bút phải trả	498.871.000	-
Cộng	554.321.750	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	99.612.661	133.260.096
Bảo hiểm xã hội	-	266.467
Các khoản phải trả, phải nộp khác	246.218.950	596.766.750
Cộng	345.831.611	730.293.313

17. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.000.000	65.000.000
Cộng	55.000.000	65.000.000

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	435.064.254	2.410.137.840
Tăng trong năm	-	-	-	174.280.056	3.485.601.125
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.371.400.281
Số dư tại 31/12/2010	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.524.338.684
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.524.338.684
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.313.437.147
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.785.677.203
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.524.338.684	2.410.137.840
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.313.437.147	3.485.601.125
Phân phối lợi nhuận	2.785.677.203	3.371.400.281
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	1.372.240.056	1.700.000.000
- Chia cổ tức	1.000.000.000	1.700.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	174.280.056	-
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	197.960.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (ii)	1.413.437.147	1.671.400.281
- Trả cổ tức	900.000.000	800.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	174.280.056
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.437.147	697.120.225
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.052.098.628	2.524.338.684

(i) Lợi nhuận năm 2010 được phân phối theo Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 tổ chức ngày 09/04/2011

(ii) Lợi nhuận năm 2011 tạm phân phối theo Nghị quyết số 132 ngày 02/08/2011 của Hội đồng quản trị Công ty

19. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	24.615.263.097	27.684.733.309
+ Sách Đại học - Dạy nghề	21.914.624.249	21.124.078.630
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	529.092.000	754.743.928
+ Sách tham khảo mua ngoài	874.063.998	4.758.547.216
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	270.265.565	1.047.363.535
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	1.027.217.285	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	15.869.700
+ Giảm giá hàng bán (Sách Đại học - Dạy nghề)	-	15.869.700
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.615.263.097	27.668.863.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn Sách Đại học - Dạy nghề	14.964.055.068	12.888.991.601
Giá vốn Sách liên kết phát hành trọn gói	383.315.071	356.192.927
Giá vốn Sách tham khảo mua ngoài	808.541.816	4.635.850.861
Giá vốn Sổ sách chuyên môn có thuế	161.810.351	787.853.495
Giá vốn Giấy và dịch vụ biên tập	958.098.900	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.651.711.827)	(729.176.676)
Cộng	15.624.109.379	17.939.712.208

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	952.931.625	989.675.529
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.400.000	45.995.600
Cộng	1.002.331.625	1.035.671.129

22. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	178.600.000	53.200.000
Cộng	178.600.000	53.200.000

23. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản	-	1.954.545
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	13.050.770	2.773.500
Thu nhập từ xử lý kiểm kê cuối năm	55.820.577	40.299.184
Thu nhập từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	476.279
Thu nhập khác	1.740.000	9.126.526
Cộng	70.611.347	54.630.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Xử lý kiểm kê cuối năm	146.524.979	46.571.325
Phạt thuế	165.967.898	-
Chi phí khác	606.991	674.742
Cộng	313.099.868	47.246.067

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.115.949.108	4.689.978.167
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	207.836.398	127.530.000
Điều chỉnh tăng	257.236.398	173.525.600
- Chi phí không hợp lệ, hợp lệ	35.503.500	173.525.600
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	53.015.000	-
- Phạt thuế, phạt chậm nộp tờ khai	168.717.898	-
Điều chỉnh giảm (Lợi nhuận được chia)	49.400.000	45.995.600
Tổng thu nhập chịu thuế	3.323.785.506	4.817.508.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	830.946.377	1.204.377.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% (*)	249.283.913	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	802.511.961	1.204.377.042
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	581.662.464	1.204.377.042
- Chi phí thuế TNDN hiện hành điều chỉnh các năm trước	220.849.497	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.313.437.147	3.485.601.125

(*) Thuế TNDN năm 2011 được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.437.147	3.485.601.125
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.313.437.147	3.485.601.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.313	3.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	5.723.268.563	6.014.728.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.617.152	367.002.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.244.487.788	16.995.827.135
Chi phí khác bằng tiền	841.183.590	591.182.216
Cộng	22.080.557.093	23.968.740.538

28. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng SGK	16.417.320	1.095.009.300
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	508.908.765	630.982.665
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách ĐH-DN	101.937.770	266.908.535
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	2.344.793.818	2.401.550.499
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách ĐH-DN	67.996.075	80.492.681
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách ĐH-DN	40.598.204	88.555.997
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Cung ứng sách ĐH-DN	-	23.894.655
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng SGK	1.521.915.422	1.948.459.505
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng SGK	696.636.154	532.785.225
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK	1.771.868.994	880.793.280
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	972.944.711	147.723.800
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Mua tem chống giả	38.880.000	509.617.469
	Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	368.828.963	-
	Tiền giấy, khác	870.061.400	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	72.864.806	96.191.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	-	38.543.349
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	185.511.563	313.906.618
Công ty CP Học liệu	Mua sách giáo khoa	141.329.440	432.332.575
	Tiền điện, thuê nhà	106.021.000	-
Công ty CP Sách TB TH TP Hồ Chí Minh	Mua sách giáo khoa	-	1.125.498.458
Công ty CP In Diên Hồng	Tiền in sách ĐH-DN	544.845.329	1.035.023.399
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	713.477.849	2.380.261.809
Công ty CP Sách và TBDG Miền Trung	Mua sách tham khảo	24.226.194	12.973.191
Công ty CP Sách và TBDG Miền Nam	Mua sách tham khảo	8.640.000	392.912.320
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí đấu thầu	35.479.500	201.028.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	61.330.476	67.288.312
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	589.649.000	91.549.545
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Thu nhập từ lãi cho vay	849.005.136	707.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Cho vay	4.700.000.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	232.924.450	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	50.000.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	1.102.492.248	-
Công ty CP Học liệu	Phải thu khách hàng	39.130.797	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	29.001.440	-
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	73.592.500	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	28.345.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	50.000.000
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	116.267.000
Công ty CP In Diên Hồng	Phải trả người bán	-	50.000.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	100.000.000
Cộng		6.227.141.435	344.612.000

29. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 09/04/2011 đã quyết định cổ tức năm 2010 là 18%/Vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã được chi trả trong năm 2010 là 8% (tương ứng với 800.000.000 đồng), Công ty tiếp tục chi trả phần cổ tức còn lại 10% /Vốn điều lệ (tương ứng 1.000.000.000 đồng) trong 6 tháng đầu năm 2011.

Trong năm 2011, Công ty cũng đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 với tỷ lệ 9%/Vốn điều lệ theo Nghị quyết số 132 của Hội đồng quản trị ngày 02/08/2012 (số tiền tương ứng: 900.000.000 đồng).

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012